

Số: **178** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **23** tháng **8** năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 256/QĐ-TTr ngày 20/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội, ngày 10/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2024;

Xét Báo cáo đề ngày 11/7/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Năm thành lập: 2006.
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102104745, cấp lần đầu ngày 11/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/8/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: 05 phòng, 03 phân xưởng sản xuất.
- Điện thoại giao dịch: 03212.222008 Fax: 03213.997586.
- Tài khoản giao dịch: số 1500201056421, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.
- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm 30/6/2024): 114 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	460.230	465.592	398.260	415.563	415.780
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	460.230	465.592	398.260	415.563	415.780
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	475.492	474.987	480.642	386.498	409.135
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	439.743	439.337	464.022	372.995	394.298
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	10.414	36.881	18.668	17.528	19.192
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	6.719	15.271	1.318	1.597	1.814
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	400	402.027	400	331.239	355.328

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm 30/6/2024:

+ Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 114 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 114 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 112 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 02 người.

Kiểm tra 02 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (Đỗ Thị Mến, Đỗ Thị Mai), hợp đồng lao động không ghi cụ thể mức lương; mục công việc phải

làm ghi “Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chịu sự điều hành của Quản đốc và Lãnh đạo Công ty”.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 12 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 11 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 13.425.200 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm. Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh đối thoại theo yêu cầu hoặc khi có vụ việc.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể năm 2023. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng, không có văn bản thể hiện có trên 50% người lao động biểu quyết tán thành với nội dung dự thảo thỏa ước.

+ Đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

+ Nội dung thỏa ước lao động có quy định có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật lao động: thêm các ngày nghỉ việc riêng có hưởng lương (ông bà nội, ngoại, anh, chị, em ruột chết nghỉ 01 ngày; bố, mẹ, anh, chị, em ruột kết hôn nghỉ 01 ngày); quà các ngày lễ, tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ; chế độ nghỉ mát hàng năm.

+ Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp năm 2023.

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Doanh nghiệp áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động đã được xây dựng và ban hành tại Quyết định số 16/QĐ.HABECO-ID ngày 30/6/2017. Các mức lương trong thang lương, bảng lương của doanh nghiệp thấp hơn mức lương tối thiểu vùng (doanh nghiệp phải áp dụng mức lương vùng II là 4.160.000 đồng) do Chính phủ quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022. Ví dụ Bậc 1 chức danh nhân viên thừa hành phục vụ có mức lương là 3.730.000 đồng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo sản phẩm.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý	15	1,7	16	1,675
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	53	1,309	50	1,262
Công nhân trực tiếp SXKD	35	1,228	33	1,227
Nhân viên thừa hành, phục vụ	16	1,231	15	1,233
Tổng số	119		114	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ):

Các loại phụ cấp	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	HSPCBQ	Số người	HSPCBQ
Trách nhiệm	33	5,684	37	5,467
Khác.....(thâm niên)	-	-	-	-
Bình quân chung	33	5,684	37	5,467

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người lao động năm 2022, 2023 tại các văn bản số 03/BBHĐQT/HABECO-ID ngày 10/4/2023 và số 02/BBHĐQT/HABECO-ID ngày 8/4/2024.

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 14,363 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 14,997 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 15,245 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 13,208 tỷ đồng.

+ Năm 2024: quỹ tiền lương kế hoạch là 13,835 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp áp dụng quy chế trả lương, quy chế thưởng cho người lao động đã được xây dựng và ban hành năm 2020.

- Việc thực hiện phân phối quỹ tiền lương theo từng năm 2022, 2023:

+ Doanh nghiệp xác định quỹ lương kế hoạch năm 2022 bằng 14,363 tỷ đồng (lương bình quân 10,058 triệu đồng/người/tháng). Trên cơ sở đó thì quỹ tiền lương bình quân thực hiện năm 2022 là 14,997 tỷ đồng.

+ Doanh nghiệp xác định quỹ lương kế hoạch năm 2023 bằng 15,245 tỷ đồng (lương bình quân 10,952 triệu đồng/người/tháng). Trên cơ sở đó thì quỹ tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 là 13,208 tỷ đồng.

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ: trong tháng 5/2024, doanh nghiệp có 10 trường hợp không được trả lương làm thêm giờ.

- Đã trả tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp tổ chức phục vụ bữa ăn trưa cho toàn bộ người lao động với suất ăn trị giá 25.000 đồng/người/ca làm việc.

- Các khoản phụ cấp khác: hỗ trợ xăng xe, điện thoại.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/ người/tháng	10,500	5,047	4,547	13,145	5,412	4,825
2	Phụ cấp	Triệu đồng/ người/tháng	20,000	1,751	0	20,000	2,484	0
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/ người/tháng	22,434	7,620	3,988	24,391	7,121	4,084
4	Thu nhập khác	Triệu đồng/ người/tháng	11,356	3,785	0	10,935	3,645	0
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng/ người/tháng	64,290	18,203	5	68,471	18,662	8,909

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng cán bộ quản lý chuyên trách: 04 người (Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng).

- Người quản lý không chuyên trách: 03 người (Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 kiểm soát viên).

- Người đại diện vốn đã tổng hợp và xin ý kiến đại diện chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người quản lý năm 2022, 2023 tại các văn bản số 02/BBHĐQT/HABECO-ID ngày 8/4/2024, số 03/BBHĐQT/HABECO-ID ngày 10/4/2023.

- Đã xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,728 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 2,074 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,288 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,331 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,728 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 1,845 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,348 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,369 tỷ đồng.

- Phân phối tiền lương thực hiện đối với người quản lý:

Stt	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Giám đốc	36,856	39,080
2	Phó Giám đốc	25,718	27,458
3	Phó Giám đốc	25,016	26,833
4	Kế toán trưởng	23,473	25,145

- Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách như sau:

Stt	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch công ty	8	8
2	Kiểm soát viên	3	3
3	Kiểm soát viên	3	3

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý: doanh nghiệp trích lập quỹ tiền thưởng của người quản lý chuyên trách bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý.

- Doanh nghiệp đã phân phối tiền thưởng năm 2022 cụ thể đối với từng chức danh tại Quyết định số 10/QĐ.CT-HNB ngày 12/9/2023.

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: người quản lý hưởng các khoản thu nhập từ các chế độ phúc lợi của doanh nghiệp theo quy định.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã tổng hợp phương án dự kiến của doanh nghiệp về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước, quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của người lao động và người quản lý doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Đã đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp hằng năm sau khi Hội đồng quản trị thông qua.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 hoặc 48 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ 01 hoặc 02 ngày vào cuối tuần); 03 ca đối với khối sản xuất (nghỉ 01 ngày trong tuần).

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường; 14 ngày đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên năm 2024.

- Nội quy lao động thiếu quy định: trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động: 01 vụ, trình tự, thủ tục tiến hành xử lý kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật được thực hiện đúng quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 37 người.
- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:
 - + Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
 - + Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc.
 - + Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.
 - + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài và lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở: không phát sinh.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên, đã ban hành quy chế hoạt động nhưng chưa trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.
- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; ; 01 người làm công tác y tế.
- Đang sử dụng 52 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (47 bình chịu áp lực, 01 hệ thống đường ống dẫn hơi nước, 02 nồi hơi, 02 xe nâng) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu.
- Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và người sử dụng lao động. Số theo dõi cấp giấy chứng nhận cho nhóm 1 thiếu chữ

ký của người được huấn luyện. Thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người cấp thẻ, không đóng dấu giáp lai ảnh của người lao động.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động theo quy định, không có mẫu đo không đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

- Sử dụng 16 lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không sử dụng lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc, nẹp cổ, nẹp đùi, nẹp cẳng chân, kính bảo vệ mắt).

- Đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Thỏa ước lao động có thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật lao động.

1.9. Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.11. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 25.000 đồng/người/ca làm việc.

1.12. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.13. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.14. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.15. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.16. Trình tự, thủ tục tiến hành xử lý kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật được thực hiện đúng quy định; không có trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.17. Không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.18. Đã xây dựng và ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban Chấp hành công đoàn cơ sở.

1.19. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.20. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bố trí người làm công tác y tế.

1.21. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.22. Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.23. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động và người sử dụng lao động.

1.24. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.25. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.26. Đã tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ người lao động theo quy định.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 02 người lao động không ghi cụ thể mức lương, mục công việc phải làm ghi “Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chịu sự điều hành của Quản đốc và Lãnh đạo Công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng, không có văn bản thể hiện có trên 50% người lao động biểu quyết tán thành với nội dung dự thảo thỏa ước là không đúng quy định tại Điều 70, Điều 76 Bộ luật Lao động.

2.3. Các mức lương trong thang lương, bảng lương của doanh nghiệp thấp hơn mức lương tối thiểu được quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày

12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2.4. Chưa thanh toán tiền lương làm thêm giờ cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động; Điều 55 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.5. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.6. Nội quy lao động thiếu nội dung về trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.8. Chưa thống nhất thỏa thuận với Ban chấp hành công đoàn cơ sở về mức phụ cấp trách nhiệm để trả cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho nhóm 1 thiếu chữ ký của người lao động theo mẫu 09, thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người cấp thẻ, không đóng dấu giáp lai ảnh của người lao động theo mẫu 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.10. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.11. Chưa trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-XPHC ngày 16/7/2024 xử phạt vi phạm hành chính hành đối với doanh nghiệp với số tiền xử phạt là 15.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 30/QĐ-XPHC ngày 16/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Mục IV.

2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.10 khi phát sinh.

- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/9/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

